

Số: 103 /QĐ-TTKN

Quảng Trị, ngày 18 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thẩm tra xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM

Căn cứ quyết định 402/QĐ-SYT ngày 24/4/2017 của Sở y tế tỉnh Quảng Trị Về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông báo số 08/TB-SYT ngày 14/6/2024 của Sở Y tế về việc thẩm tra xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng TC-HC-TH.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm (Phụ lục 04 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng TC-HC-TH và các bộ phận, phòng ban liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (báo cáo);
- Như điều 2;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Quang

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm

Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 103/QĐ-TTKN ngày 18/6/2024 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5,092,306,000	5,092,306,000	
I	Nguồn ngân sách trong nước	5,092,306,000	5,092,306,000	
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	5,092,306,000	5,092,306,000	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3,876,609,000	3,876,609,000	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,654,351,000	1,654,351,000	
II	Nguồn vốn viện trợ			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			